TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Mạnh Cường

2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Khánh Linh- Kiểm sát viên

Trong các ngày 17 và 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: Thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị O- Luật sư của Công ty luật TNHH Q và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có bài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn gửi đến phiên tòa.

2.***Bị đơn***: Anh **Phùng Tuấn A**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phùng Tuấn A tự nguyện ký kết hôn với nhau ngày 25/02/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh

Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh Phùng Tuấn A tại khu Đ, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Anh đa nghi, ghen tuông, thường chửi bới, lăng mạ và đánh đập chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 12/2021, chị H về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho ly hôn với anh Phùng Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phùng Tiểu D, sinh ngày 03/8/2013. Nếu ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Phung Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2022 và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Phùng Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thấn đúng như chị Nguyễn Thị H trình bày. Theo anh A, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H thiếu tôn trọng chồng, gia đình chồng, không thành thật trong mối quan hệ với chồng và gia đình chồng, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống. Nay chị H đề nghị ly hôn, anh A nhất trí vì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Ly hôn, anh A đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Bài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, do nghi ngờ nhau dẫn đến anh Tuấn A nhiều lần đánh chị H, làm cho cuộc sống hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn. Còn anh Phùng Tuấn A cũng nhất trí ly hôn vì xác định không còn tình cảm với chị H.

Về con chung:

Chị H hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Samkwang Vina, thu nhập ổn định từ 8.000.000đồng đến 9.000.000đồng/tháng.

Con chung của vợ chồng là Phùng Tiểu D trình bày là "nếu bố mẹ không ở cùng nhau được thì cháu ở với bố hay mẹ đều được" .

Bố đẻ chị H là ông Nguyễn Văn T có đơn trình bày là nếu chị H được giao nuôi cháu D, ông T và gia đình sẽ hỗ trợ chị H trong việc chăm lo cháu D, bảo đảm cho cháu D có cuộc sống sinh hoạt, học tập tốt nhất.

Anh Phùng Tuấn A thường xuyên không có mặt ở nhà và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập của anh.

Về tài sản chung; nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết.

Từ các phân tích trên, đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phùng Tuấn A.

- Giao cháu Phùng Tiểu D, sinh ngày 03/8/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành; anh Phùng Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị đơn là anh Phùng Tuấn A trình bày là không muốn vợ chồng ly hôn, vì không muốn con thiếu sự quan tâm chăm sóc của cả bố và mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phùng Tuấn A.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Tiểu D, sinh ngày 03/8/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Phùng Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị H không yêu cầu.

3.Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" và nơi cư trú bị đơn là tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh Anh bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng chị H và anh A chung sống hòa thuận được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau và có lần anh A đã đánh chị H. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 12/2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H đề nghị ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Anh Phùng Tuấn A không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian dài vợ chồng sống ly thân, anh Anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên đề nghị được đoàn tụ của anh A không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy:

Chị H và anh A đều đang sống cùng nhà với bố mẹ đẻ nhưng bố đẻ chị H có đơn đề nghị xác nhận sẽ hỗ trợ bảo đảm cho chị H có điều kiện tốt nhất trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Chị H hiện có nghề nghiệp, thu nhập tương đối cao và ổn định. Còn anh A làm nghề lao động tự do, không có chứng cứ tài liệu chứng minh về thu nhập của A.

Con chung là nữ giới, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ đối với sự phát triển về thể chất và tinh thần. Trong khi đó, anh A thường vắng nhà do phải đi làm việc tại thành phố Hà Nội và trong quá trình chung sống, anh A đã có hành vi bạo lực đối với chị H.

Con chung đã trên 07 tuổi, có ý kiến là ở với bố hoặc mẹ đều được.

Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H và anh Anh không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: : Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phùng Tuấn A.

2. Về con chung:

2.1. Giao 01 con chung là Phùng Tiểu D, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Phùng Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị H không yêu cầu.

2.2. Anh Phùng Tuấn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007830 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã V;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng